TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHI SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 08-3-2023
V/v:Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Hoàng Bá Trung

2. Ông: Lê Thế Hải

- Thư ký phiên tòa bà: Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa: Ông Nguyễn Khắc Duyến – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Q - Sinh năm: 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Trung S, xã Phú S, thị xã Nghi S, Thanh H

2. Bị đơn: Chị Lê Thị D – Sinh năm 1971 và anh Lê Đăng N – sinh năm 1988 – Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn Đông S, xã Phú S, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị Q trình bày:

Trong thời gian năm 2015, bà cho chị Lê Thị D vay số tiền 44.720.000đ, đến tháng 3/2016, bà làm giấy vay tiền cho chị D và chồng là anh Lê Đăng N, hai vợ chồng ký vào giấy vay tiền, hẹn đến ngày 20/3/2016 trả cho bà. Đến ngày 20/3/2016, thì trả cho bà được 4.350.000đ, đến ngày 20/7/2016, trả cho bà 420.000đ. Tổng cả hai lần trả là 4.770.000đ, còn nợ lại 39.950.000đ. Sau đó bà có nhiều lần đòi hai vợ chồng nhưng không trả cho bà. Đến 5/2020, bà khởi kiện đến TAND huyện Tĩnh Gia nay là TAND Thị xã Nghi Sơn về việc yêu cầu chị D và anh N trả nợ cho bà số tiền 39.950.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, chị D bỏ trốn khỏi địa phương, còn anh N có thỏa thuận sẽ trả dần số tiền nợ cho bà từ ngày 30/12/2020 cho đến hết ngày 30/12/2022, sẽ trả hết nợ, vì tin ông N nên bà rút đơn về không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Nhưng đến thời điểm thỏa thuận anh N không thực hiện việc trả nợ cho bà. Đến thời điểm hiện nay chị D đã trở về sinh sống tại địa phương, bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh chị trả tiền cho bà nhưng anh N và chị D không thực hiện việc

trả tiền cho bà vì vậy bà đề nghị Tòa án buộc anh N và chị D trả cho bà số tiền 39.950.000đ và bà không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Lê Thị D thể hiện nội dung như sau: Chị không thừa nhận vay tiền bà Vũ Thị Q, mà tiền này là do chị và bà Q có chơi phường với nhau từ năm 2013, chơi phường có lãi, tiền phường hàng tháng là 05 triệu nhưng mỗi lần đóng bà Q chỉ phải đóng lần 2.500.000đ, lần 3.000.000đ, chơi đến tháng 02/2016 thì bể phường, chị cũng bị vỡ phường nhiều dần đến nợ nần tiền phường của những người chưa lấy. Do khi bị vỡ phường chị nghĩ sẽ thu được tiền từ những con phường đã lấy nên mới viết giấy nhận nợ bà Q số tiền 44.720.000đ và hẹn ngày 20/3/2016 sẽ trả, sau đó có trả được một ít và còn nợ lại 39.950.000đ. Do tôi không đòi được tiền mà cũng không có tiền để trả cho bà Q. Nay bà Q làm đơn khởi kiện tôi đề nghị bà Q cho tôi thời gian để trả dần trong trường hợp nếu tôi đòi được nợ thì tôi sẽ trả cho bà Q.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Lê Thị D và anh Lê Đăng N trả số tiền nợ gốc 39.950.000đ và không yêu cầu tính lãi xuất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị Q. Buộc anh Lê Đăng N và chị Lê Thị D phải trả cho bà Q số tiền 39.950.000đ. về án phí: Buộc anh N và chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Vũ Thị Q khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị D và anh Lê Đăng N trả nợ số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án cho chị D và anh N nhưng cả hai không chấp hành. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Các bên đương sự đều thống nhất vào ngày 05/3/2016, chị Lê Thị D và anh Lê Đăng N có viết giấy khất tiền vay nợ phường với số tiền chị D và anh N còn nợ bà Q là 44.72.000đ và hẹn ngày 20/3/2016 sẽ trả cho bà Q. Đến ngày 20/3/2016, chị D và anh N trả cho bà Q được 4.350.000đ và đến ngày 20/7/2016 trả được 420.000đ. Tổng cả hai lần trả được 4.770.000đ, hiện tại còn nợ bà Q số tiền 39.950.000đ. Hai bên thỏa thuận cho vay không tính lãi xuất. Vì vậy việc bà Vũ Thị Q khởi kiện yêu cầu chị D và anh N trả nợ cho bà số tiền 39.950.000đ là có cơ sở. Tại biên bản lấy lời khai chị D cũng thừa nhận nội dung khởi kiện của bà Q là đúng, biên bản thỏa thuận ngày19/8/2020, anh Lê Đăng N cũng thừa nhận hiện đang còn nợ bà Q số tiền trên. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS. Vì vậy đây là cơ sở là nguồn chứng cứ xác định chị Lê Thị D và anh Lê Đăng N còn nợ bà Vũ Thị Q số tiền 39.950.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về số tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Q yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa bà Q xin rút yêu cầu tính lãi. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bà Vũ Thị Q nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Q.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và điểm d tiểu mục 1.3 mục 1 phần 2 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Lê Thị D và anh Lê Đăng N phải trả cho bà Vũ Thị Q số tiền 39.950.000đ (Ba mươi chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bà Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị D và anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy đinh khác.

3. Về án phí:

- Bà Vũ Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm
- Chị Lê Thị D và anh Lê Đăng N phải nộp 1.997.500 đ tiền án phí dân sự có giá ngạch.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bà Q, vắng mặt chị D và anh N. Bà Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị D và anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TX. Nghi Sơn;
- Chi cục THADS TX. Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Cúc